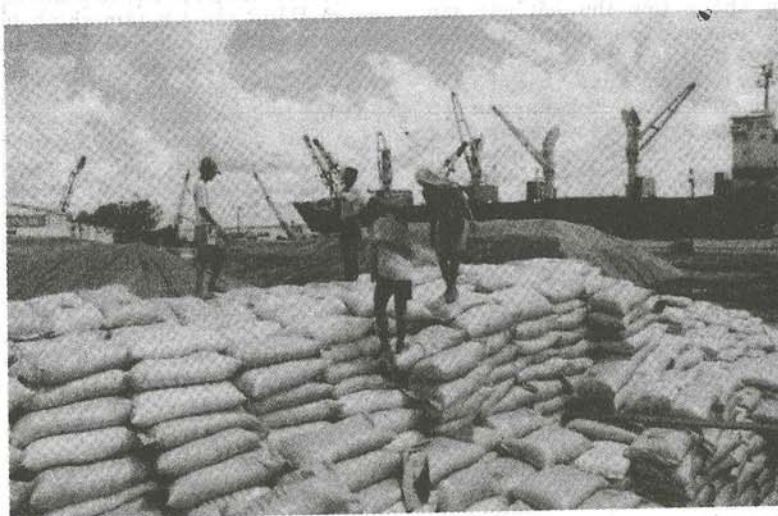


CHÍNH SÁCH BẢO HỘ CÁC NGÀNH KINH TẾ VIỆT NAM TRONG ĐIỀU KIỆN HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

NGUYỄN THỊ THANH HOÀI



I. ĐÁNH GIÁ CHÍNH SÁCH BAO HỘ CÁC NGÀNH KINH TẾ VN HIỆN HÀNH

1. Những kết quả đạt được

Có thể nói rằng các biện pháp mà nhà nước áp dụng trong thời gian qua đã góp phần quan trọng nhằm bảo hộ sản xuất trong nước. Điều đó có thể thấy được trên các khía cạnh sau:

- Về thuế quan: để bảo hộ sản xuất trong nước, biểu thuế nhập khẩu đã được thường xuyên điều chỉnh theo hướng quy định mức thuế nhập khẩu cao và khá cao đối với tất cả những hàng hóa trong nước đã sản xuất được, không đánh thuế hoặc đánh thuế thấp đối với những mặt hàng là nguyên liệu vật tư đầu vào trong nước chưa sản xuất được đã góp phần tích cực tạo điều kiện cho sản xuất trong nước phát triển, sản lượng hàng hóa một số mặt hàng liên tục tăng qua các năm như giấy, xi măng, kính xây dựng...

- Về các biện pháp phi thuế quan: nhà nước quy định cấm nhập khẩu một số mặt hàng trong nước có khả năng cung cấp như văn phòng phẩm, thuốc lá; quy định danh mục mặt hàng nhập khẩu bằng hạn ngạch của Bộ

thương mại (năm 1999 gồm 19 nhóm mặt hàng, năm 2000 gồm 10 nhóm mặt hàng). Ngoài ra trong thời gian qua Thủ tướng chính phủ đã có chỉ thị số 853/1997/CT - TTg về đấu tranh chống buôn lậu, đã thực hiện 4 đợt dán tem với 17 mặt hàng ngoại nhập như tủ lạnh, ti vi, động cơ nổ, xe đạp, quạt điện, sứ vệ sinh, rượu... qua các đợt dán tem đã có kết quả, hạn chế được một phần hàng hóa nhập lậu.

- Về các chính sách đầu tư, hỗ trợ khác: nhìn chung, nhà nước đã quan tâm tăng vốn đầu tư cho các doanh nghiệp sản xuất hàng hóa nhu cầu thiết yếu, có chính sách thu hút đầu tư nước ngoài tương đối thông thoáng tạo điều kiện chuyển giao kỹ thuật, công nghệ, phương pháp quản lý tiên tiến trên cơ sở đó từng bước nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng hóa VN trên thị trường nội địa và quốc tế.

2. Hạn chế của chính sách bảo hộ hiện hành

Có thể nói chính sách bảo hộ các ngành kinh tế thời gian qua đã có những tác dụng nhất định trong việc tăng khả năng sản xuất của các doanh nghiệp trong nước, giải quyết nhiều công ăn việc làm, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của xã hội. Tuy nhiên, cũng cần phải nhận thấy rằng chính sách bảo hộ hiện hành chưa thật hợp lý, chưa thật hiệu quả và chưa phù hợp với các cam kết quốc tế mà chúng ta phải thực hiện. Cụ thể:

- Một là bảo hộ còn tràn lan, vô thời hạn, vô điều kiện. Đối với những hàng hóa trong nước đã sản xuất được, nhà nước quy định mức thuế nhập khẩu cao hơn, hoặc đối với một số mặt hàng còn sử dụng cả biện pháp nhập khẩu bằng hạn ngạch. Mức độ bảo hộ chưa được phân theo ngành dựa trên lợi thế cạnh tranh, chính sách bảo hộ tràn lan một mặt dẫn đến việc định hướng đầu tư trong thời gian qua thiếu hiệu quả, chưa phát huy được lợi thế so sánh của kinh tế VN và tận dụng được lợi thế qua phân công lao động quốc tế. Trong những năm từ 1994 trở lại đây vốn đầu tư được tập trung nhiều vào những ngành sản xuất ra các sản phẩm thay thế hàng nhập khẩu chứ không hướng vào xuất khẩu. Trường hợp sản xuất ô tô là một ví dụ: ô tô là ngành được bảo hộ rất cao, ô tô dưới 5 chỗ ngồi nguyên chiếc thuế nhập khẩu quy định 60%, thuế tiêu thụ đặc biệt 100%, nếu qui đổi ra thuế nhập khẩu thì mức thuế thu vào mặt hàng này là 210%. Trong khi đó thuế nhập khẩu linh kiện dạng rời để lắp ráp ô tô lại rất thấp (3 - 45%). Do có mức bảo hộ cao nên hiện nay có 14 nhà sản xuất ô tô tại VN với công suất công bố vào khoảng 170.000 xe mỗi năm với số vốn đầu tư 824 triệu USD. Mức độ tiêu thụ ô tô ở VN còn nhỏ do

thu nhập thấp, hệ thống giao thông chưa tiện. Ở tổ VN không xuất khẩu được do giá thành quá cao, các doanh nghiệp sản xuất ở tổ gặp nhiều khó khăn, thua lỗ kéo dài. Có thể nói rằng việc đầu tư lắp ráp ở tổ một cách ồ ạt như vậy đã gây lãng phí nguồn vốn rất lớn. Trong thời gian qua do chính sách bảo hộ vô điều kiện vô thời hạn khiến các doanh nghiệp được bảo hộ có tâm lý ỷ lại, trông chờ vào nhà nước, chưa khuyến khích các doanh nghiệp nâng cao sức cạnh tranh.

Hai là chúng ta còn chậm chuyển đổi các biện pháp bảo hộ phi thuế quan sang biện pháp bảo hộ bằng thuế quan. Để bảo hộ sản xuất trong nước hiện nay chúng ta áp dụng nhiều biện pháp khác nhau, thuế quan chỉ là một trong những biện pháp bảo hộ, ngoài ra chúng ta còn áp dụng nhiều biện pháp phi thuế quan trong đó chủ yếu là biện pháp hạn chế số lượng nhập khẩu. Đối với những mặt hàng thuộc loại hàng hóa nằm trong diện cấm đối của nhà nước đều là những mặt hàng được quản lý bằng hạn ngạch như phân bón, giấy, đường, xi măng, sắt thép... còn phải nhận thấy rằng hạn ngạch nhập khẩu đưa ra nhiều đặc lợi cho những người nắm giữ hạn ngạch và các lệnh cấm nhập khẩu tạo ra quyền lực độc quyền cho nhà nước sản xuất. Việc áp dụng quá nhiều hành rào phi thuế quan dẫn đến việc hoạch định chính sách không minh bạch, ngoài ra đó còn là một trong những nguyên nhân gây ra tình trạng buôn lậu. Các biện pháp phi thuế quan không được WTO thừa nhận, trong thời gian tới cần phải loại bỏ dần cho phù hợp.

Ba là: trong công tác tổ chức thực hiện, các cơ quan thuế, hải quan còn buông lỏng việc quản lý thị trường, giá cả, chống buôn lậu, độc quyền, tiêu cực, tham nhũng... chưa được khắc phục có hiệu quả. Bên cạnh đó, việc tuyên truyền, giáo dục nhân dân dùng hàng nội địa chưa được quan tâm đúng mức, tâm lý sùng hàng ngoại vẫn còn phổ biến.

Hiện nay các doanh nghiệp của ta còn gặp nhiều khó khăn, khả năng cạnh tranh của hàng hóa còn thấp. Vậy chúng ta phải làm gì để có thể nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế? Chính sách bảo hộ sản xuất trong nước trong thời gian tới nên như thế nào để vừa tạo điều kiện nâng đỡ, vừa gây sức ép buộc các doanh nghiệp khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế, vừa phù hợp với quá trình hội nhập? Sau đây là một số định hướng cơ bản.

II. ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH SÁCH BẢO HỘ CÁC NGÀNH KINH TẾ VN TRONG ĐIỀU KIỆN HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

1. Quan điểm cần phải quán triệt

- Phải có bảo hộ: xuất phát điểm

của nền kinh tế nước ta còn thấp so với trong khu vực và trên thế giới, hầu hết các ngành công nghiệp VN còn non trẻ, duy trì bảo hộ trong những năm trước mắt là cần thiết để tạo điều kiện cho các ngành phát triển.

- Bảo hộ sản xuất trong nước phải nhất quán với chính sách tự do hóa thương mại, phù hợp với cam kết quốc tế mà VN phải thực hiện.

- Bảo hộ sản xuất phải đặt mục tiêu hiệu quả kinh tế xã hội lên trên hết. Trước hết phải thúc đẩy sản xuất trong nước nâng cao khả năng cạnh tranh của các hàng hóa mà ta có lợi thế cạnh tranh trên thị trường nội địa, từng bước vươn ra thị trường khu vực và thế giới, thúc đẩy sự tăng trưởng nhanh, bền vững.

- Bảo hộ sản xuất hợp lý phải đi đôi với bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng, tạo điều kiện cho người tiêu dùng được lựa chọn hàng hóa rộng rãi với giá cả rẻ hơn, chất lượng tốt hơn.

2. Nguyên tắc bảo hộ trong thời gian tới

- Bảo hộ có chọn lọc, chỉ bảo hộ cho một số mặt hàng, ngành hàng nhất định có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

- Bảo hộ có điều kiện và có thời hạn nhất định, trong một số điều kiện cụ thể, vừa giúp đỡ vừa tạo sức ép buộc các doanh nghiệp phải tự đổi mới, vươn lên. Chỉ thực hiện chính sách bảo hộ đối với sản phẩm có khả năng cạnh tranh, thời gian bảo hộ tối đa là 3 - 4 năm.

3. Một số giải pháp bảo hộ trong thời gian tới

- Xây dựng cấp độ bảo hộ: do trình độ phát triển không đồng đều của nền kinh tế, do yêu cầu của việc tham gia vào các tổ chức quốc tế và thực hiện chính sách bảo hộ có chọn lọc, có điều kiện các ngành sản xuất trong nước, nên chia mức bảo hộ thành 5 cấp theo hướng tăng dần. Cụ thể:

+ Cấp độ 1: mức thuế nhập khẩu tối đa là 10% đối với các ngành hàng mà VN đã sản xuất được với chất lượng tốt, có khả năng cạnh tranh với hàng nhập khẩu và xuất khẩu như gạo, chè, cao su, cà phê; đối với những ngành hàng mà VN cần khuyến khích nhập khẩu để đầu tư đổi mới công nghệ trong nước như máy móc, thiết bị, công nghệ hiện đại.

+ Cấp độ 2: mức thuế nhập khẩu tối đa là 20% đối với các ngành hàng đã có lợi thế cạnh tranh nhưng cần bảo hộ để đảm bảo mức an toàn cần thiết như cá, thịt, rau, quả...

+ Cấp độ 3: mức thuế nhập khẩu tối đa là 30% đối với các ngành hàng trong nước đã sản xuất được nhưng còn gặp khó khăn trong cạnh tranh đối với hàng ngoại nhập như sản xuất đồ gia dụng, nước ngọt, sữa, dầu thực

vật...

+ Cấp độ 4: mức thuế nhập khẩu tối đa là 40% đối với các ngành công nghiệp non trẻ nhưng sẽ là ngành sản xuất thế mạnh trong tương lai như chế biến thực phẩm, bánh kẹo...

+ Cấp độ 5: mức thuế nhập khẩu tối đa là 50% đối với những mặt hàng quan trọng đảm bảo an toàn cho sự phát triển kinh tế xã hội.

- Về các hàng rào phi thuế quan:

+ Hạn ngạch xuất nhập khẩu: hiện nay nhiều thị trường xuất khẩu vẫn phải có hạn ngạch nên gây cho chúng ta nhiều thiệt thòi. Vì vậy chính phủ cần đàm phán với các nước mở rộng hạn ngạch xuất khẩu sang các thị trường truyền thống, bên cạnh cần phải đổi mới cơ chế giao hạn ngạch, tiến hành đấu thầu hạn ngạch, ngăn cấm mọi hành động mua bán, sang nhượng lại hạn ngạch. Chính phủ cần thực hiện từng bước thuế hóa các biện pháp phi thuế quan, giảm dần số lượng các mặt hàng nhập khẩu bằng hạn ngạch cho phù hợp với qui định của WTO.

+ Nhà nước cần kiên quyết không cấp giấy phép cho các nhà đầu tư nước ngoài thành lập doanh nghiệp sản xuất để tiêu thụ tại VN những mặt hàng mà hàng VN tương tự đang có lợi thế cạnh tranh, thỏa mãn được nhu cầu trong nước như bia, thức ăn gia súc, may mặc, giấy dép...

+ Ngăn chặn xử lý nghiêm mọi hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, tăng cường phối hợp giữa các cơ quan chức năng, phát huy vai trò của nhân dân để tiến hành có hiệu quả những biện pháp chống buôn lậu trên các tuyến biên giới; cần có chính sách đầu tư tạo nhiều công ăn việc làm cho các vùng biên giới nhằm góp phần hạn chế buôn lậu.

- Về chính sách đầu tư: nhà nước cần ưu tiên vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, vốn tín dụng ưu đãi, vốn ODA cho các doanh nghiệp sản xuất hàng hóa phục vụ nhu cầu thiết yếu trong nước và xuất khẩu như các ngành chế biến nông lâm hải sản... bên cạnh cần có chính sách bảo lãnh cho các doanh nghiệp vay vốn nước ngoài để phát triển các ngành như cao su, cà phê. Ngoài ra còn có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp tự huy động vốn như vay, phát hành trái phiếu, thu hút liên doanh để đảm bảo đầu tư mở rộng, phát triển sản xuất ■

Tài liệu tham khảo

1. Kinh tế VN trước thế kỷ XXI, cơ hội và thách thức, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội 1998.
2. Ari Kokko, Quản lý quá trình chuyển sang chế độ thương mại tự do: Chính sách thương mại của VN cho thế kỷ XXI, nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997.
3. Tự do hóa thương mại ở VN- IMF, 1999.